

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH BIỂU DIỄN NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY - TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

- Xác định được vị trí, vai trò của nghệ sỹ biểu diễn tham gia trong các chương trình nghệ thuật, những ảnh hưởng, tác động của nghệ thuật đối với kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội;
- Mô tả được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Phân tích được kiến thức cơ bản và hệ thống về kỹ thuật biểu diễn nhạc cụ phương Tây, hiểu biết các phương pháp diễn tấu nhạc cụ từ cổ điển, đương đại, các phương pháp kỹ thuật trình diễn;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, xây dựng tác phẩm biểu diễn nhạc cụ phương Tây đạt yêu cầu đề ra;
- Trình bày các yêu cầu kỹ thuật các tác phẩm viết cho độc tấu, hòa tấu thính phòng, dàn nhạc giao hưởng như Symphony, Overture, Rondo, Sonate, Concerto...; các phong cách âm nhạc Pop/Rock đương đại;
- Mô tả được các kỹ thuật diễn tấu cơ bản của nhạc cụ để luyện tập và thực hiện các loại kỹ thuật đó;
- Mô tả được các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật trang điểm, trang phục...;
- Mô tả được các hình thức trình diễn trên sân khấu, vị trí vai trò của nghệ sỹ biểu diễn trên sân khấu tùy theo từng thể loại âm nhạc, chương trình biểu diễn nghệ thuật cụ thể;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được phương pháp đảm bảo an toàn cho người và dụng cụ, thiết bị khi biểu diễn;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, phương pháp khai thác các phần mềm, ứng dụng âm nhạc phổ cập trên mạng truyền thông để phục vụ cho ngành, nghề;
- Xác định được các yếu tố cơ bản về pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Lựa chọn đúng, đầy đủ các loại nhạc cụ khi tham gia luyện tập và biểu diễn;
- Sử dụng thành thạo các kỹ thuật diễn tấu cơ bản của ngành, nghề; các phương pháp để luyện tập và thực hiện các loại kỹ thuật đó;
- Luyện tập được thành thạo các kỹ thuật cơ bản (gam, etude), phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc...; Đọc và chuyển được các khóa nhạc khác nhau;
- Đệm, ứng tác độc tấu; phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc;

- Thể hiện được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản biểu diễn tác phẩm khí nhạc với các thể loại khác nhau dưới các hình thức trình diễn độc tấu nhạc cụ, dàn nhạc, ban nhạc, nhóm nhạc...;

- Trình diễn độc tấu, hòa tấu dàn nhạc, ban nhóm các tác phẩm khí nhạc với các thể loại khác nhau và các tác phẩm mang phong cách âm nhạc Pop/Rock...;

- Tiếp cận linh hoạt các thể loại, hình thức biểu diễn âm nhạc;

- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị âm thanh, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;

- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm ... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, phương pháp làm việc khoa học;

- Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng, khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động;

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tiếp thu và học hỏi có chọn lọc, sáng tạo trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật;

- Phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của cá nhân trước chỉ huy dàn nhạc, trưởng nhóm nhạc;

- Chủ động đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của cá nhân và các thành viên trong nhóm;

- Có tác phong công nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.- Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Biểu diễn nhạc cổ điển;

- Biểu diễn nhạc Pop/Rock;

- Hướng dẫn thực hành nhạc cụ phương Tây.

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 44

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2100 giờ

- Khối lượng thi tốt nghiệp: 64 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 582. giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1804 giờ;
Thi, kiểm tra: 213 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Chính trị 1	3	45
MH03	Chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng anh 1	2	30
MH09	Tiếng anh 2	2	30
MH10	Tiếng anh 3	2	30
MH11	Tiếng anh 4	2	30
II	Các môn học, mô đun cơ sở, và chuyên ngành	55	2100
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	28	570
MH12	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45
MH14	Lý thuyết âm nhạc 1	3	45
MH15	Lý thuyết âm nhạc 2	3	45
MĐ16	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	3	45
MH17	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH18	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	30
MH19	Hòa thanh	4	60
MĐ20	Phân tích tác phẩm âm nhạc	2	60
MĐ21	Giải phóng hình thể	2	90
MĐ22	Dàn dựng chương trình nghệ thuật	2	90
II.2	Các môn chuyên ngành	27	960
MĐ23	Ký – Xướng âm 1	2	60
MĐ24	Ký – Xướng âm 2	2	60
MĐ25	Ký – Xướng âm 3	2	60
MĐ26	Ký – Xướng âm 4	2	60
MĐ27	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ28	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ29	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ30	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ31	Nhạc cụ 5	1	30

MĐ32	Nhạc cụ phụ 1	1	30
MĐ33	Nhạc cụ phụ 2	1	30
MĐ34	Nhạc cụ phụ 3	1	30
MĐ35	Nhạc cụ phụ 4	1	30
MĐ36	Hòa tấu 1	2	90
MĐ37	Hòa tấu 2	2	90
MĐ38	Hòa tấu 3	2	90
MĐ39	Thực hành biểu diễn 1	1	90
MĐ40	Thực hành biểu diễn 2	1	90
II.3	Các môn học tự chọn	6	120
MĐ41	Tổ chức sự kiện	2	30
MĐ42	Hát dân ca	2	60
MĐ43	Tin học chuyên ngành	2	30
II.4	Thực tập	10	450
MĐ46	Thực tế; thực tập	10	450
III	Thi tốt nghiệp		64
	Chính trị		
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		
	Nhạc cụ		
	Tổng cộng	100	2599

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH BIỂU DIỄN NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG - TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.2. Kiến thức

- Xác định được kiến thức cơ sở ngành âm nhạc nói chung; kiến thức cơ sở ngành ca múa nhạc kịch truyền thống; kiến thức cơ sở ngành âm nhạc cổ truyền; kiến thức cơ sở về hòa âm, điệu thức, tư duy lòng bản;

- Phân biệt, liệt kê được tính năng, công dụng các nhạc cụ truyền thống Việt Nam; các loại nhạc cụ, trang thiết bị biểu diễn, đạo cụ chủ yếu của các bộ phận trong các nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật hoặc các đơn vị, văn hóa thông tin cơ sở;

- Xác định được vị trí, vai trò và đặc trưng của hoạt động biểu diễn nhạc cụ truyền thống, tác động của nó đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, đào tạo nghệ thuật;

- Phân tích được các quy trình hoạt động nghệ thuật cơ bản của đơn vị;

- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong các nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật, các cơ quan đơn vị văn hóa cơ sở;

- Trình bày, giải thích được nguyên tắc đảm bảo an toàn, tiến độ thực hiện, chất lượng công việc; lý do phải tuân thủ các quy định của đơn vị để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và có biện pháp phòng ngừa;

- Mô tả được quy trình lập kế hoạch các hoạt động biểu diễn, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc tại các bộ phận của đơn vị;

- Xác định được các công việc cơ bản trong quản lý chuyên môn, nhân sự, quản lý cơ sở vật chất trang thiết bị như: Đạo cụ, phục trang..., quản lý tài chính;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Biểu diễn được thành thạo một đến hai nhạc cụ truyền thống bằng hình thức độc tấu, hòa tấu dàn nhạc, tốp nhạc, hòa tấu phong cách nhạc cổ truyền, diễn tấu tốt các kỹ thuật, biểu hiện rõ tính chất và tình cảm của tác phẩm, thể hiện các chất liệu của các bài cơ bản đặc trưng của các vùng miền trên nhạc cụ biểu diễn;

- Sử dụng đúng, an toàn cơ sở vật chất, trang thiết bị như: Sân khấu, đạo cụ, phục trang... theo quy định;

- Xây dựng được các kế hoạch nghiệp vụ như: Kế hoạch biểu diễn, kế hoạch phân công công việc, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch mua sắm trang thiết bị, đạo cụ, kế hoạch phục vụ tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện...;

- Tổ chức được các hoạt động tập huấn, biểu diễn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên môn...;

- Tổ chức thực hiện được đề cương, kịch bản âm nhạc, nội dung, chương trình cho các hoạt động chuyên môn;

- Quản lý, giám sát, kiểm tra, đánh giá được kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và chất lượng tại các bộ phận làm việc;
- Phân tích, đánh giá được kết quả hoạt động âm nhạc của các bộ phận trong từng thời điểm, phát hiện ra được các nguyên nhân, hạn chế, đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động âm nhạc;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ biểu diễn, giảng dạy và các hoạt động âm nhạc khác;
- Thực hiện việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy tinh hoa của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam;
- Xác định được xu hướng và thị hiếu thưởng thức của khán giả để áp dụng vào hoạt động chuyên môn; tham gia hoạt động hiệu quả trong các nhóm hoạt động nghề nghiệp;
- Phối hợp, tham gia các sự kiện được tổ chức đoàn thể, quần chúng, xã hội để trải nghiệm, đúc rút kinh nghiệm, bổ sung kiến thức, tư liệu cho hoạt động nghề nghiệp;
- Tích hợp được các kỹ năng làm việc nhóm như: Tổ chức, hợp tác, gắn kết, đồng thuận, lắng nghe, trách nhiệm, trợ giúp... để thực hiện tốt các công việc được giao;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm có hiệu quả, hiểu biết lẫn nhau, có tinh thần trách nhiệm cao;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với khán giả và đồng nghiệp;
- Điều hành được các công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả; giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản nhạc cụ được phân công và tài sản chung của cơ quan, đơn vị;
- Luôn sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra, tôn trọng, hợp tác và truyền cảm hứng cho đồng nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Có trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ. Cần cù chịu khó, sáng tạo trong công việc, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, đơn vị;
- Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Biểu diễn độc tấu nhạc cụ;

- Biểu diễn hòa tấu nhạc cụ;
- Biểu diễn trong dàn nhạc;
- Xây dựng và biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật phục vụ sự kiện;

- Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa ở cơ sở;
- Sưu tầm và phục dựng các giá trị âm nhạc truyền thống.

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 44
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 98 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2010 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 612 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1718 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Chính trị 1	3	45
MH03	Chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng anh 1	2	30
MH09	Tiếng anh 2	2	30
MH10	Tiếng anh 3	2	30
MH11	Tiếng anh 4	2	30
II	Các môn học cơ sở, và chuyên ngành	69	2010
II.1	Các môn học cơ sở	28	570
MH12	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45
MH14	Lý thuyết âm nhạc 1	3	45
MH15	Lý thuyết âm nhạc 2	3	45
MH16	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	3	45
MH17	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH18	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	30
MH19	Hòa thanh	4	60

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
MĐ20	Phân tích tác phẩm âm nhạc	2	60
MĐ21	Giải phóng hình thể	2	90
MĐ22	Dàn dựng chương trình nghệ thuật	2	90
II.2	Các môn chuyên ngành	25	870
MĐ23	Ký – Xướng âm 1	2	60
MĐ24	Ký – Xướng âm 2	2	60
MĐ25	Ký – Xướng âm 3	2	60
MĐ26	Ký – Xướng âm 4	2	60
MĐ27	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ28	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ29	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ30	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ31	Nhạc cụ 5	1	30
MĐ32	Nhạc cụ phụ 1	1	30
MĐ33	Nhạc cụ phụ 2	1	30
MĐ34	Nhạc cụ phụ 3	1	30
MĐ35	Nhạc cụ phụ 4	1	30
MĐ36	Hòa tấu 1	2	45
MĐ37	Hòa tấu 2	2	45
MĐ38	Hòa tấu 3	2	90
MĐ39	Thực hành biểu diễn 1	1	90
MĐ40	Thực hành biểu diễn 2	1	90
II.3	Các môn học tự chọn	6	120
MH41	Tổ chức sự kiện	2	30
MĐ42	Hát dân ca	2	60
MH43	Tin học chuyên ngành	2	30
II.4	Thực tập và thi tốt nghiệp	10	450
MĐ44	Thực tập	10	450
III	Thi tốt nghiệp		64
	Chính trị		4
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		30
	Nhạc cụ		30
	Tổng cộng	98	2509

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐỒ HỌA

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

- Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, bao gồm: Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng...

- Có kiến thức cơ bản về Xã hội học, Tâm lý học đại cương, Dân tộc học, Văn hóa học...

- Có kiến thức tin học tương đương trình độ B.

- Có kiến thức ngoại ngữ tương đương trình độ B

- Nắm vững kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu về ngành Mỹ thuật

- Nắm vững kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu về Hội họa.

2 Kỹ năng

- Có kỹ năng chuyên sâu về Hội họa, sử dụng thành thạo các chất liệu trong sáng tạo nghệ thuật.

- Có thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, biết kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố truyền thống và hiện đại vào hoạt động thực tiễn.

- Có kỹ năng ứng dụng các chất liệu phù hợp vào ngành Hội họa, sáng tác, trang trí, thiết kế quảng cáo...

- Có khả năng sáng tạo, nhận xét, đánh giá các tác phẩm Hội họa.

3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Say mê sáng tạo, tuân thủ các nguyên tắc nghề nghiệp và chuẩn mực đạo đức truyền thống.

- Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành trong các công việc thuộc ngành/nghề đồ họa. Hoàn thành chương trình học, người học có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thiết kế đồ họa, sáng tạo sản phẩm đồ họa.

- Người học có khả năng làm việc độc lập hoặc có khả năng tổ chức hành nghề theo nhóm.

- Người học trở thành người có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có khả năng tự học hoặc tiếp tục học để nâng cao trình độ.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp có thể:

- Làm việc trong các công ty quảng cáo, truyền thông, tiếp thị, các cơ quan thông tấn báo chí báo, đài truyền hình, trung tâm văn hóa thông tin – triển lãm, sở văn hóa thông tin và truyền thông, sở văn hóa - thể thao và du lịch, có khả năng quản lý chất lượng, làm các công việc kỹ thuật, thành lập các công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết kế đồ họa như tổ chức xuất bản sách báo, tạp chí, thiết kế trang Web, tạo các Websites;

- Làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ngành mỹ thuật và trung tâm văn hoá;

- Cán bộ chuyên ngành Đồ họa ứng dụng trong các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp.

- Cán bộ kỹ thuật các Công ty Thiết kế đồ họa, Quảng cáo, Thiết kế thời trang.

- Có khả năng tự thành lập và làm chủ các công ty Quảng cáo, Thiết kế thời trang, công ty mỹ thuật, thiết kế nội ngoại thất...

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 38

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 95 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2205

- Khối lượng lý thuyết: 666 giờ; Thực hành: 1600 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Giáo dục chính trị 1	3	45
MH03	Giáo dục chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng Anh 1	2	30
MH09	Tiếng Anh 2	2	30
MH10	Tiếng Anh 3	2	30
MH11	Tiếng Anh 4	2	30
II	Các môn học cơ sở và chuyên ngành	61	2205
II.1	Các môn học cơ sở	15	225
MH12	Luật xa gần	2	30
MH13	Giải phẫu tạo hình	2	30
MH14	Mỹ thuật học	2	30
MH15	Lịch sử mỹ thuật thế giới	2	30
MH16	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	30
MH17	Đường lối Văn hóa Văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30
MH18	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45
II.2	Các môn chuyên ngành	34	1500
MĐ19	Hình họa 1	2	90
MĐ20	Hình họa 2	2	90
MĐ21	Hình họa 3	2	90
MĐ22	Hình họa 4	2	90

MĐ23	Hình họa 5	2	90
MĐ24	Trang trí 1	2	90
MĐ25	Trang trí 2	2	90
MĐ26	Trang trí 3	2	90
MĐ27	Trang trí 4	2	90
MĐ28	Trang trí 5	2	90
MĐ29	Ký họa và bố cục 1	2	90
MĐ30	Ký họa và bố cục 2	2	90
MĐ31	Ký họa và bố cục 3	2	90
MĐ32	Ký họa và bố cục 4	2	90
MĐ33	Ký họa và bố cục 5	2	90
MĐ34	Đồ họa vi tính	2	60
MĐ35	Ký họa thực tế	2	90
II.3	Các môn học tự chọn	4	120
MĐ36	Khắc gỗ	2	60
MĐ37	Điêu khắc	2	60
II.4	Thực tập	8	360
MĐ38	Thực tập	8	360
III	Thi tốt nghiệp	5	
	Bảo vệ tác phẩm tốt nghiệp	5	
	Tổng cộng	95	2640

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐỒ HỌA

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3. Kiến thức

- Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của ngành đồ họa, có tư duy thẩm mỹ và tạo hình vững vàng; có khả năng sáng tạo các dạng thức đồ họa thuộc lĩnh vực quảng cáo, truyền thông; có khả năng sáng tạo sản phẩm đồ họa, sáng tác các tác phẩm đồ họa.

- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế, thi công các công trình mỹ thuật ứng dụng;

- Phân tích, đánh giá, kiểm soát được mức độ thực hiện, thi công các công trình mỹ thuật và các biện pháp bảo vệ an toàn lao động trong hoạt động nghề nghiệp.

2 Kỹ năng

- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phù hợp với chuyên ngành đào tạo, có trình độ ngoại ngữ để giao tiếp; kỹ năng thuyết trình và đàm phán; kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập;

- Nghiên cứu, sáng tác thiết kế và tư vấn chuyên môn ở các cơ sở kinh doanh, các cơ quan văn hóa thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản, bảo tàng, triển lãm, trung tâm văn hóa cơ sở...

- Thiết kế, thi công các công trình như pano, bảng hiệu, hộp đèn; vẽ tranh tường, tranh nghệ thuật;

- Nhận làm dịch vụ các công việc liên quan đến thiết kế đồ họa như tạo các bản vẽ kỹ thuật, mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo thông qua hệ thống nhận diện thương hiệu; poster, lịch, quà tặng, ấn phẩm văn phòng, bao bì, túi xách, catalogue, thiết kế trang web, thiết kế truyện tranh các loại;

- Tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành dự án sản phẩm mỹ thuật công nghiệp;

- Biết xử lý các sự cố xảy ra ngoài ý muốn trong quá trình hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng chuyên sâu về ngành/nghề Đồ họa. Có kỹ năng ứng dụng, sử dụng các kỹ thuật in lưới, in gỗ - thạch cao, thiết kế mẫu trên máy tính...

- Có thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, biết kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố truyền thống và hiện đại vào hoạt động thực tiễn.

3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Say mê sáng tạo, tuân thủ các nguyên tắc nghề nghiệp và chuẩn mực đạo đức truyền thống.

- Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành trong các công việc thuộc ngành/nghề đồ họa. Hoàn thành chương trình học, người học có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thiết kế đồ họa, sáng tạo sản phẩm đồ họa.

- Người học có khả năng làm việc độc lập hoặc có khả năng tổ chức hành nghề theo nhóm.

- Người học trở thành người có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có khả năng tự học hoặc tiếp tục học để nâng cao trình độ.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp có thể:

- Làm việc trong các công ty quảng cáo, truyền thông, tiếp thị, các cơ quan thông tấn báo chí báo, đài truyền hình, trung tâm văn hóa thông tin – triển lãm, sở văn hóa thông tin và truyền thông, sở văn hóa - thể thao và du lịch, có khả năng quản lý chất lượng, làm các công việc kỹ thuật, thành lập các công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết kế đồ họa như tổ chức xuất bản sách báo, tạp chí, thiết kế trang Web, tạo các Websites;

- Làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ngành mỹ thuật và trung tâm văn hoá;

- Cán bộ chuyên ngành Đồ họa ứng dụng trong các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp.

- Cán bộ kỹ thuật các Công ty Thiết kế đồ họa, Quảng cáo, Thiết kế thời trang.

- Có khả năng tự thành lập và làm chủ các công ty Thiết kế đồ họa, Quảng cáo, Thiết kế thời trang, công ty mỹ thuật, thiết kế nội ngoại thất...

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 37.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 94 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1920

- Khối lượng lý thuyết: 666 giờ; Thực hành: 1600 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MD/ MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Chính trị 1	3	45
MH03	Chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng anh 1	2	30
MH09	Tiếng anh 2	2	30
MH10	Tiếng anh 3	2	30
MH11	Tiếng anh 4	2	30
II	Các môn học cơ sở, và chuyên ngành	64	1890
II.1	Các môn học cơ sở	28	690

MĐ12	Hình hoạ 1	2	60
MĐ13	Hình hoạ 2	2	60
MĐ14	Hình hoạ 3	2	60
MĐ15	Trang trí ứng dụng 1	2	60
MĐ16	Trang trí ứng dụng 2	2	60
MĐ17	Trang trí ứng dụng 3	2	60
MĐ18	Ký hoạ	2	60
MĐ19	Luật xa gần	1	30
MĐ20	Giải phẫu tạo hình	1	30
MĐ21	Cơ sở tạo hình	1	30
MĐ22	Lịch sử design	2	30
MĐ23	Nguyên lí thị giác tạo hình	1	30
MĐ24	Mỹ thuật học	2	30
MĐ25	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MĐ26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30
MĐ27	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30
II.2	Các môn chuyên ngành	26	780
MĐ28	Phần mềm CorelDraw	2	60
MĐ29	Phần mềm Illustrator	2	60
MĐ30	Phần mềm Photoshop	2	60
MĐ31	Thiết kế đồ hoạ văn hoá thể thao	5	150
MĐ32	Thiết kế đồ hoạ chính trị	5	150
MĐ33	Thiết kế đồ hoạ thương mại	5	150
MĐ34	Thiết kế đồ hoạ công nghiệp	5	150
II.3	Các môn học tự chọn	2	60
MĐ35	Kỹ thuật in xuyên	1	30
MĐ36	Kỹ thuật in nổi	1	30
II.4	Thực tập	8	360
MĐ37	Thực tập	8	360
III	Thi tốt nghiệp		45
	Đồ án tốt nghiệp		45
Tổng cộng		93	2370

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐỒ HỌA

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

5. Kiến thức

- Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của ngành đồ họa, có tư duy thẩm mỹ và tạo hình vững vàng; có khả năng sáng tạo các dạng thức đồ họa thuộc lĩnh vực quảng cáo, truyền thông; có khả năng sáng tạo sản phẩm đồ họa, sáng tác các tác phẩm đồ họa.

- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế, thi công các công trình mỹ thuật ứng dụng;

- Phân tích, đánh giá, kiểm soát được mức độ thực hiện, thi công các công trình mỹ thuật và các biện pháp bảo vệ an toàn lao động trong hoạt động nghề nghiệp.

2 Kỹ năng

- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phù hợp với chuyên ngành đào tạo, có trình độ ngoại ngữ để giao tiếp; kỹ năng thuyết trình và đàm phán; kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập;

- Nghiên cứu, sáng tác thiết kế và tư vấn chuyên môn ở các cơ sở kinh doanh, các cơ quan văn hóa thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản, bảo tàng, triển lãm, trung tâm văn hóa cơ sở...

- Thiết kế, thi công các công trình như pano, bảng hiệu, hộp đèn; vẽ tranh tường, tranh nghệ thuật;

- Nhận làm dịch vụ các công việc liên quan đến thiết kế đồ họa như tạo các bản vẽ kỹ thuật, mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo thông qua hệ thống nhận diện thương hiệu; poster, lịch, quà tặng, ấn phẩm văn phòng, bao bì, túi xách, catalogue, thiết kế trang web, thiết kế truyện tranh các loại;

- Tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành dự án sản phẩm mỹ thuật công nghiệp;
- Biết xử lý các sự cố xảy ra ngoài ý muốn trong quá trình hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng chuyên sâu về ngành/nghề Đồ họa. Có kỹ năng ứng dụng, sử dụng các kỹ thuật in lưới, in gỗ - thạch cao, thiết kế mẫu trên máy tính...

- Có thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, biết kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố truyền thống và hiện đại vào hoạt động thực tiễn.

3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Say mê sáng tạo, tuân thủ các nguyên tắc nghề nghiệp và chuẩn mực đạo đức truyền thống.

- Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành trong các công việc thuộc ngành/nghề đồ họa. Hoàn thành chương trình học, người học có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thiết kế đồ họa, sáng tạo sản phẩm đồ họa.

- Người học có khả năng làm việc độc lập hoặc có khả năng tổ chức hành nghề theo nhóm.

- Người học trở thành người có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức

tổ chức kỷ luật, có khả năng tự học hoặc tiếp tục học để nâng cao trình độ.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp có thể:

- Làm việc trong các công ty quảng cáo, truyền thông, tiếp thị, các cơ quan thông tấn báo chí báo, đài truyền hình, trung tâm văn hóa thông tin – triển lãm, sở văn hóa thông tin và truyền thông, sở văn hóa - thể thao và du lịch, có khả năng quản lý chất lượng, làm các công việc kỹ thuật, thành lập các công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết kế đồ họa như tổ chức xuất bản sách báo, tạp chí, thiết kế trang Web, tạo các Websites;

- Làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ngành mỹ thuật và trung tâm văn hoá;

- Cán bộ chuyên ngành Đồ họa ứng dụng trong các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp.

- Cán bộ kỹ thuật các Công ty Thiết kế đồ họa, Quảng cáo, Thiết kế thời trang.

- Có khả năng tự thành lập và làm chủ các công ty Thiết kế đồ họa, Quảng cáo, Thiết kế thời trang, công ty mỹ thuật, thiết kế nội ngoại thất...

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 37.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 94 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1920

- Khối lượng lý thuyết: 666 giờ; Thực hành: 1600 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MĐ/ MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Chính trị 1	3	45
MH03	Chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng anh 1	2	30
MH09	Tiếng anh 2	2	30
MH10	Tiếng anh 3	2	30
MH11	Tiếng anh 4	2	30
II	Các môn học cơ sở, và chuyên ngành	64	1890
II.1	Các môn học cơ sở	28	690

MĐ12	Hình hoạ 1	2	60
MĐ13	Hình hoạ 2	2	60
MĐ14	Hình hoạ 3	2	60
MĐ15	Trang trí ứng dụng 1	2	60
MĐ16	Trang trí ứng dụng 2	2	60
MĐ17	Trang trí ứng dụng 3	2	60
MĐ18	Ký hoạ	2	60
MĐ19	Luật xa gần	1	30
MĐ20	Giải phẫu tạo hình	1	30
MĐ21	Cơ sở tạo hình	1	30
MĐ22	Lịch sử design	2	30
MĐ23	Nguyên lí thị giác tạo hình	1	30
MĐ24	Mỹ thuật học	2	30
MĐ25	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MĐ26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30
MĐ27	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30
II.2	Các môn chuyên ngành	26	780
MĐ28	Phần mềm CorelDraw	2	60
MĐ29	Phần mềm Illustrator	2	60
MĐ30	Phần mềm Photoshop	2	60
MĐ31	Thiết kế đồ hoạ văn hoá thể thao	5	150
MĐ32	Thiết kế đồ hoạ chính trị	5	150
MĐ33	Thiết kế đồ hoạ thương mại	5	150
MĐ34	Thiết kế đồ hoạ công nghiệp	5	150
II.3	Các môn học tự chọn	2	60
MĐ35	Kỹ thuật in xuyên	1	30
MĐ36	Kỹ thuật in nổi	1	30
II.4	Thực tập	8	360
MĐ37	Thực tập	8	360
III	Thi tốt nghiệp		45
	Đồ án tốt nghiệp		45
Tổng cộng		93	2370

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH BIỂU DIỄN NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG - TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.3. Kiến thức

- Nhận biết kiến thức cơ sở ngành âm nhạc nói chung; kiến thức cơ sở ngành ca múa nhạc kịch truyền thống; kiến thức âm nhạc cổ truyền; tư duy lòng bản;

- Phân biệt được tính năng các nhạc cụ truyền thống Việt Nam, liệt kê được các loại nhạc cụ, trang thiết bị biểu diễn, đạo cụ chủ yếu của các bộ phận trong nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật hoặc các đơn vị, văn hóa thông tin cơ sở và hiểu rõ vị trí, công dụng của chúng;

- Xác định được vị trí, vai trò và đặc trưng của hoạt động biểu diễn nhạc cụ truyền thống, tác động của nó đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, đào tạo nghệ thuật, góp phần phát triển và bảo tồn nghệ thuật truyền thống, thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển bền vững;

- Mô tả được các quy trình hoạt động nghệ thuật cơ bản của đơn vị;

- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong các nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật, các cơ quan đơn vị văn hóa cơ sở...;

- Trình bày được nguyên tắc đảm bảo an toàn, tiến độ thực hiện, chất lượng công việc, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định của đơn vị để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và có biện pháp phòng ngừa;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Biểu diễn được từ một đến hai nhạc cụ truyền thống bằng hình thức độc tấu, hòa tấu dàn nhạc, tốp nhạc, hòa tấu phong cách nhạc cổ truyền, diễn tấu tốt các kỹ thuật, biểu hiện rõ tính chất và tình cảm của tác phẩm, thể hiện các chất liệu của các bài cơ bản đặc trưng của các vùng miền trên nhạc cụ biểu diễn;

- Sử dụng đúng, an toàn cơ sở vật chất, trang thiết bị như: Sân khấu, đạo cụ, phục trang... theo quy định;

- Tổ chức được các hoạt động chuyên môn như: Tập huấn, biểu diễn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm...;

- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ biểu diễn và các hoạt động âm nhạc khác;

- Tuyên truyền, quảng bá, phổ biến về ngành học để phát triển, gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Xác định được xu hướng và thị hiếu thưởng thức của khán giả để áp dụng vào hoạt động chuyên môn; tham gia hoạt động hiệu quả trong các nhóm hoạt động nghề nghiệp;

- Phối hợp, tham gia các sự kiện được tổ chức bởi đoàn thể, quần chúng, xã hội để trải nghiệm, đúc rút kinh nghiệm, bổ sung kiến thức, tư liệu cho hoạt động nghề nghiệp;

- Tích hợp được một số kỹ năng làm việc nhóm như: Tổ chức, hợp tác, gắn kết, đồng thuận, lắng nghe, trách nhiệm, trợ giúp để thực hiện tốt các công việc được giao;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm có hiệu quả, hiểu biết lẫn nhau, có tinh thần trách nhiệm, tương trợ, hỗ trợ và phối hợp các thành viên trong nhóm tốt;

- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với khán giả và đồng nghiệp;

- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;

- Giải quyết được một số công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản nhạc cụ được phân công và tài sản chung của cơ quan, đơn vị;

- Luôn sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra, tôn trọng, hợp tác và truyền cảm hứng cho đồng nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ; chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần của nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Có trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ. Cần cù chịu khó, sáng tạo trong công việc, ý thức tôn trọng kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, đơn vị.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Biểu diễn độc tấu nhạc cụ;

- Biểu diễn hòa tấu nhạc cụ;

- Biểu diễn trong dàn nhạc;

- Biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật phục vụ sự kiện;

- Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa ở cơ sở;

- Suy tầm và phục dựng các giá trị âm nhạc truyền thống.

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 36

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 68 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1440 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 421 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1200 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

4.1. Nội dung chương trình ngành Biểu diễn nhạc cụ truyền thống – trình độ: Trung cấp (3 năm)

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	17	255
MH01	Pháp luật	1	15
MH02	Chính trị	2	30
MH03	Giáo dục thể chất	2	30
MH04	Giáo dục quốc phòng	3	45
MH05	Tin học	3	45
MH06	Tiếng anh 1	2	30
MH07	Tiếng anh 2	2	30
MH08	Tiếng anh 3	2	30
II	Các môn học cơ sở và chuyên ngành	51	1440
II.1	Các môn học cơ sở	18	300
MH09	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH10	Lý thuyết âm nhạc	4	60
MH11	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH12	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	2	30
MH13	Hòa thanh	3	45
MH14	Hình thức âm nhạc	3	45
MĐ15	Giải phóng hình thể	2	60
II.2	Các môn chuyên ngành	25	870
MĐ16	Ký – Xướng âm 1	2	60
MĐ17	Ký – Xướng âm 2	2	60
MĐ18	Ký – Xướng âm 3	2	60
MĐ19	Ký – Xướng âm 4	2	60
MĐ20	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ21	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ22	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ23	Nhạc cụ 4	1	30

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
MĐ24	Nhạc cụ 5	1	30
MĐ25	Nhạc cụ phụ 1	1	30
MĐ26	Nhạc cụ phụ 2	1	30
MĐ27	Nhạc cụ phụ 3	1	30
MĐ28	Nhạc cụ phụ 4	1	30
MĐ29	Hòa tấu 1	1	45
MĐ30	Hòa tấu 2	1	45
MĐ31	Hòa tấu 3	2	90
MĐ32	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ33	Thực hành biểu diễn 2	2	90
III	Các môn học tự chọn	4	90
MĐ34	Hát dân ca	2	60
MH35	Tin học chuyên ngành	2	30
IV	Thực tập và thi tốt nghiệp	4	180
MH36	Thực tế; Thực tập	4	180
V	Thi tốt nghiệp		64
	Chính trị		4
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		30
	Nhạc cụ		30
	Tổng cộng	68	1759

4.2. Nội dung chương trình ngành Biểu diễn nhạc cụ truyền thống – trình độ: Trung cấp (6 năm)

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
A	PHẦN SƠ CẤP	18	540
MĐ01	Xướng âm 1	1	30
MĐ02	Xướng âm 2	1	30
MĐ03	Xướng âm 3	1	30
MĐ04	Xướng âm 4	1	30

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
MĐ05	Xướng âm 5	1	30
MĐ06	Xướng âm 6	1	30
MĐ07	Ghi âm 1	1	30
MĐ08	Ghi âm 2	1	30
MĐ09	Ghi âm 3	1	30
MĐ10	Ghi âm 4	1	30
MĐ11	Ghi âm 5	1	30
MĐ12	Ghi âm 6	1	30
MĐ013	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ14	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ15	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ16	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ17	Nhạc cụ 5	1	30
MĐ18	Nhạc cụ 6	1	30
B	PHẦN TRUNG CẤP	68	1759
I	Các môn học chung	17	255
MH19	Pháp luật	1	15
MH20	Chính trị	2	30
MH21	Giáo dục thể chất	2	30
MH22	Giáo dục quốc phòng	3	45
MH23	Tin học	3	45
MH24	Tiếng anh 1	2	30
MH25	Tiếng anh 2	2	30
MH26	Tiếng anh 3	2	30
II	Các môn học cơ sở và chuyên ngành	51	1440
II.1	Các môn học cơ sở	18	300
MH27	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH28	Lý thuyết âm nhạc	4	60
MH29	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH30	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	2	30
MH31	Hòa thanh	3	45
MH32	Hình thức âm nhạc	3	45

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
MĐ33	Giải phóng hình thể	2	60
II.2	<i>Các môn chuyên ngành</i>	25	870
MĐ34	Ký – Xướng âm 7	2	60
MĐ35	Ký – Xướng âm 8	2	60
MĐ36	Ký – Xướng âm 9	2	60
MĐ37	Ký – Xướng âm 10	2	60
MĐ38	Nhạc cụ 7	1	30
MĐ39	Nhạc cụ 8	1	30
MĐ40	Nhạc cụ 9	1	30
MĐ41	Nhạc cụ 10	1	30
MĐ42	Nhạc cụ 11	1	30
MĐ43	Nhạc cụ phụ 1	1	30
MĐ44	Nhạc cụ phụ 2	1	30
MĐ45	Nhạc cụ phụ 3	1	30
MĐ46	Nhạc cụ phụ 4	1	30
MĐ47	Hòa tấu 1	1	45
MĐ48	Hòa tấu 2	1	45
MĐ49	Hòa tấu 3	2	90
MĐ50	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ51	Thực hành biểu diễn 2	2	90
II.3	<i>Các môn học tự chọn</i>	4	90
MĐ52	Hát dân ca	2	60
MH53	Tin học chuyên ngành	2	30
II.4	<i>Thực tập và thi tốt nghiệp</i>	4	180
MH54	Thực tế; Thực tập	4	180
III	Thi tốt nghiệp	0	64
	Chính trị		4
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		30
	Nhạc cụ		30
	Tổng cộng	86	2299

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH BIỂU DIỄN NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY - TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.4. Kiến thức

- Mô tả được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Phân tích được kiến thức cơ bản về kỹ thuật biểu diễn nhạc cụ phương Tây, hiểu biết và phân biệt được các phương pháp kỹ thuật diễn tấu nhạc cụ;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành cơ bản để luyện tập, xây dựng tác phẩm Biểu diễn nhạc cụ phương Tây đạt yêu cầu đề ra;
- Mô tả được các kỹ thuật cơ bản của ngành, nghề, các kiểu kỹ thuật phát âm khác nhau của nhạc cụ..., hiểu biết các phương pháp để luyện tập và thực hiện các loại kỹ thuật đó;
- Mô tả được các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật trang điểm, trang phục...;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Biết được phương pháp đảm bảo an toàn cho người và dụng cụ, thiết bị khi biểu diễn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Lựa chọn đúng, đầy đủ các loại nhạc cụ khi tham gia luyện tập và biểu diễn;
- Trình diễn được các kỹ thuật diễn tấu cơ bản của ngành, nghề;
- Trình diễn được các kỹ thuật cơ bản (Gam, Etude...), phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc đơn giản...;
- Thể hiện được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản biểu diễn tác phẩm khí nhạc với các thể loại khác nhau dưới các hình thức trình diễn độc tấu nhạc cụ, dàn nhạc, ban nhạc, nhóm nhạc...;
- Luyện tập được thành thạo thị tấu; đọc và chuyển các khóa nhạc khác nhau; đệm, phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc...;
- Biểu diễn được các tác phẩm âm nhạc phương Tây với các phong cách khác nhau;
- Sử dụng được các trang thiết bị âm thanh, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;
- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm ... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và sáng tạo trong công việc;
- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, phương pháp làm việc khoa học;
- Phối hợp với các thành viên trong nhóm luyện tập và biểu diễn hòa tấu dàn nhạc; chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của cá nhân trước chỉ huy dàn nhạc, trưởng nhóm nhạc;
- Chủ động đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của cá nhân và một phần công việc của các thành viên trong nhóm;
- Có tác phong công nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Biểu diễn nhạc cổ điển;
- Biểu diễn nhạc Pop/Rock;

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 36
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 68 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1440. giờ
- Khối lượng thi tốt nghiệp: 64 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 368 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1231 giờ;

Thi/ kiểm tra 160 giờ.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

4.1. Nội dung chương trình ngành *Biểu diễn nhạc cụ phương Tây – trình độ: Trung cấp (3 năm)*

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	17	255
MH01	Pháp luật	1	15
MH02	Chính trị 1	2	30
MH03	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45
MH05	Tin học	3	45
MH06	Tiếng anh 1	2	30
MH07	Tiếng anh 2	2	30
MH08	Tiếng anh 3	2	30
II	Các môn học, mô đun cơ sở, và chuyên ngành	40	1440
<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	18	300

MH09	Đường lối Văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH10	Lý thuyết âm nhạc	4	60
MH11	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH12	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	2	30
MH13	Hòa thanh	3	45
MH14	Hình thức âm nhạc	3	45
MĐ15	Giải phóng hình thể	2	60
II.2	Các môn chuyên ngành	25	870
MĐ16	Ký – Xướng âm 1	2	60
MĐ17	Ký – Xướng âm 2	2	60
MĐ18	Ký – Xướng âm 3	2	60
MĐ19	Ký – Xướng âm 4	2	60
MĐ20	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ21	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ22	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ23	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ24	Nhạc cụ 5	1	30
MĐ25	Nhạc cụ phụ 1	1	30
MĐ26	Nhạc cụ phụ 2	1	30
MĐ27	Nhạc cụ phụ 3	1	30
MĐ28	Nhạc cụ phụ 4	1	30
MĐ29	Hòa tấu 1	2	90
MĐ30	Hòa tấu 2	2	90
MĐ31	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ32	Thực hành biểu diễn 2	2	90
II.3	Các môn học tự chọn	4	90
MĐ34	Hát dân ca	2	60
MH35	Tin học chuyên ngành	2	30
II.4	Thực tập	4	180
MH36	Thực tế; thực tập	4	180
III	Thi tốt nghiệp		64
	Chính trị		
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		
	Nhạc cụ		
	Tổng cộng	68	1759

4.2. Nội dung chương trình ngành Biểu diễn nhạc cụ phương Tây – trình độ: Trung cấp (6 năm)

Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
----------	--------------------	------------	--------

A	PHẦN SƠ CẤP	18	540
MĐ01	Xướng âm 1	1	30
MĐ02	Xướng âm 2	1	30
MĐ03	Xướng âm 3	1	30
MĐ04	Xướng âm 4	1	30
MĐ05	Xướng âm 5	1	30
MĐ06	Xướng âm 6	1	30
MĐ07	Ghi âm 1	1	30
MĐ08	Ghi âm 2	1	30
MĐ09	Ghi âm 3	1	30
MĐ10	Ghi âm 4	1	30
MĐ11	Ghi âm 5	1	30
MĐ12	Ghi âm 6	1	30
MĐ13	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ14	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ15	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ16	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ17	Nhạc cụ 5	1	30
MĐ18	Nhạc cụ 6	1	30
B	PHẦN TRUNG CẤP		
I	Các môn học chung	17	255
MH19	Pháp luật	1	15
MH20	Chính trị 1	2	30
MH21	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH22	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45
MH23	Tin học	3	45
MH24	Tiếng anh 1	2	30
MH25	Tiếng anh 2	2	30
MH26	Tiếng anh 3	2	30
II	Các môn học, mô đun cơ sở, và chuyên ngành	40	1035
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	18	300
MH27	Đường lối Văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH28	Lý thuyết âm nhạc	4	60
MH29	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH30	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	2	30
MH31	Hòa thanh	3	45
MH32	Hình thức âm nhạc	3	45
MĐ33	Giải phóng hình thể	2	60
II.2	Các môn chuyên ngành	22	870
MĐ34	Ký – Xướng âm 1	2	60
MĐ35	Ký – Xướng âm 2	2	60
MĐ36	Ký – Xướng âm 3	2	60
MĐ37	Ký – Xướng âm 4	2	60

MĐ38	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ39	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ40	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ41	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ42	Nhạc cụ 5	1	30
MĐ43	Nhạc cụ phụ 1	1	30
MĐ44	Nhạc cụ phụ 2	1	30
MĐ45	Nhạc cụ phụ 3	1	30
MĐ46	Nhạc cụ phụ 4	1	30
MĐ47	Hòa tấu 1	2	90
MĐ48	Hòa tấu 2	2	90
MĐ49	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ50	Thực hành biểu diễn 2	2	90
II.3	Các môn học tự chọn	4	90
MĐ51	Hát dân ca	2	60
MĐ52	Tin học chuyên ngành	2	30
II.4	Thực tập	4	180
MĐ53	Thực tế; thực tập	4	180
III	Thi tốt nghiệp		64
	Chính trị		4
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		30
	Nhạc cụ		30
	Tổng cộng	83	2299

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN DÂN CA - TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

- Xác định được vị trí, vai trò và đặc trưng của hoạt động nghệ thuật biểu diễn dân ca, những ảnh hưởng, tác động của nó đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, đào tạo nghệ thuật, góp phần bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống, thúc đẩy kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển bền vững.

- Xác định được kiến thức cơ sở ngành âm nhạc nói chung, ngành ca múa nhạc kịch truyền thống và ngành âm nhạc cổ truyền, kiến thức về dân ca vùng miền, về dân nhạc, dân vũ.

- Mô tả được những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc, hòa âm, hình thức - thể loại; kiến thức về sân khấu.

- Phân biệt được đặc trưng, bản sắc các thể loại dân ca Việt Nam, liệt kê được các loại hình dân ca và hiểu được các làn điệu, bài vở sân khấu kịch hát truyền thống.

- Mô tả được các quy trình hoạt động nghệ thuật cơ bản của đơn vị.

- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong các Nhà hát Ca múa nhạc chuyên nghiệp; các Trung tâm Nghệ thuật truyền thống; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng Văn hóa nghệ thuật, các cơ quan đơn vị văn hóa cơ sở...

- Phân loại được các trang thiết bị biểu diễn, đạo cụ phụ trợ chủ yếu của các bộ phận trong nhà hát ca múa kịch chuyên nghiệp, các Trung tâm Nghệ thuật truyền thống; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật hoặc các đơn vị, văn hóa thông tin cơ sở...

- Trình bày được nguyên tắc đảm bảo an toàn, tiến độ thực hiện, chất lượng công việc, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định của đơn vị để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và có biện pháp phòng ngừa.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Biểu diễn thành thạo thể loại dân ca được đào tạo và một số làn điệu đặc trưng của thể loại dân ca thuộc vùng miền khác bằng hình thức biểu diễn đơn ca, biểu diễn sân khấu kịch hát dân tộc.

- Biểu diễn tốt các kỹ thuật hát thuộc thể loại dân ca được đào tạo, thể hiện được nét đặc trưng của chất liệu âm nhạc vùng miền.

- Thực hiện được đề cương, kịch bản âm nhạc, nội dung, chương trình cho các hoạt động chuyên môn.

- Sử dụng đúng, an toàn cơ sở vật chất, trang thiết bị như: Sân khấu, đạo cụ, phục trang...

- Áp dụng được các giải pháp xử lý tình huống trong quá trình phục vụ biểu diễn và các hoạt động âm nhạc khác.

- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động.

-Thực hiện việc tuyên truyền, quảng bá, phổ biến về ngành học, tham gia các hoạt động diễn xướng dân gian nhằm góp phần gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

- Phối hợp, tham gia tổ chức sự kiện cho các đoàn thể, quần chúng, xã hội để trải nghiệm, đúc rút kinh nghiệm, bổ sung kiến thức, tư liệu cho hoạt động nghề nghiệp

-Tích hợp được các kỹ năng làm việc nhóm như: Tổ chức, hợp tác, gắn kết, đồng thuận, lắng nghe, trách nhiệm, trợ giúp để thực hiện tốt các công việc được giao.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức về sáng tạo nghề nghiệp;

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật, phương pháp làm việc khoa học;

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc cá nhân và một phần kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Biểu diễn đơn ca

- Biểu diễn kịch hát dân tộc

- Tổ chức biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật

- Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa ở cơ sở

- Bảo tồn và phát huy nghệ thuật biểu diễn dân ca.

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 38

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 63 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 900 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 493 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1087 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MĐ/ MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ
-----------------	-------------	------------	--------

I	Các môn học chung	17	255
MH01	Pháp luật	1	15
MH02	Chính trị	2	30
MH03	Giáo dục thể chất	2	30
MH04	Giáo dục quốc phòng	3	45
MH05	Tin học	3	45
MH06	Tiếng anh 1	2	30
MH07	Tiếng anh 2	2	30
MH08	Tiếng anh 3	2	30
II	Các môn học cơ sở, và chuyên ngành	37	900
II.1	Các môn học cơ sở	15	270
MH09	Đường lối Văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH10	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	45
MH11	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	30
MH12	Lý thuyết âm nhạc	3	45
MĐ13	Kỹ xướng âm 1	1	30
MĐ14	Kỹ xướng âm 2	1	30
MĐ15	Kỹ xướng âm 3	1	30
MH16	Lịch sử Sân khấu Truyền thống	2	30
II.2	Các môn chuyên ngành	21	630
MĐ17	Nghệ thuật hình thể 1	2	60
MĐ18	Nghệ thuật hình thể 2	1	30
MĐ19	Tiếng nói sân khấu	1	30
MĐ21	Nghệ thuật biểu diễn 1	2	60
MĐ22	Nghệ thuật biểu diễn 2	2	60
MĐ23	Nghệ thuật biểu diễn 3	2	60
MĐ24	Kỹ thuật thanh nhạc 1	1	30
MĐ25	Kỹ thuật thanh nhạc 2	1	30
MĐ25	Kỹ thuật thanh nhạc 3	1	30
MĐ26	Hát dân ca các dân tộc Việt Nam 1	1	30
MĐ27	Hát dân ca các dân tộc Việt Nam 2	1	30
MĐ28	Hát dân ca Nghệ Tĩnh 1	1	30

MĐ29	Hát dân ca Nghệ Tĩnh 2	1	30
MĐ30	Hát dân ca Nghệ Tĩnh 3	1	30
MĐ31	Hát dân ca Nghệ Tĩnh 4	1	30
MĐ32	Nghệ thuật đạo diễn 1	2	60
MĐ33	Nghệ thuật đạo diễn 2	2	60
MĐ34	Nghệ thuật đạo diễn 3	2	60
III	Các môn học tự chọn	4	120
MĐ35	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 1	2	60
MĐ36	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 1	1	30
MĐ37	Hóa trang	1	30
IV	Thực tập và thi tốt nghiệp	6	270
MĐ38	Thực tập	6	270
V	Thi tốt nghiệp		102
	Chính trị		4
	Lý thuyết nghề tổng hợp		8
	Thực hành nghề		90
	Tổng cộng	63	1767

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HỘI HỌA

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

6. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

7. Kiến thức

- Học sinh được trang bị kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của ngành hội họa, có tư duy thẩm mỹ và kỹ năng tạo hình vững vàng; có khả năng sáng tạo các sản phẩm mỹ thuật thuộc lĩnh vực quảng cáo, truyền thông; có khả năng sáng tác các tác phẩm hội họa.

- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp thiết kế, thi công các công trình mỹ thuật;

- Phân tích, đánh giá, kiểm soát được mức độ thực hiện, thi công các công trình mỹ thuật và các biện pháp bảo vệ an toàn lao động trong hoạt động nghề nghiệp.

- Có khả năng thiết kế, trang trí sân khấu, hội trường, tổ chức trưng bày, triển lãm mỹ thuật, trang trí nội, ngoại thất...

2 Kỹ năng

- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phù hợp với chuyên ngành đào tạo, có trình độ ngoại ngữ để giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập;

- Nghiên cứu, sáng tác, thiết kế và tư vấn chuyên môn ở các cơ sở kinh doanh, các cơ quan văn hóa thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản, bảo tàng, triển lãm, trung tâm văn hóa cơ sở...

- Thiết kế, thi công các công trình như pano, bảng hiệu, trang trí sân khấu, hội nghị, vẽ tranh tường, tranh nghệ thuật;

- Nhận làm dịch vụ các công việc liên quan đến hội họa như tạo các bản vẽ mỹ thuật, trang trí bìa sách, báo tạo các tranh ảnh quảng cáo; poster, thiết kế truyện tranh các loại, tranh cổ động;

- Biết xử lý các sự cố xảy ra ngoài ý muốn trong quá trình hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng chuyên sâu về ngành/nghề Hội họa. Có kỹ năng ứng dụng, sử dụng các kỹ thuật chất liệu hội họa, ứng dụng các chất liệu phù hợp vào sáng tác và trang trí...

- Có thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, biết kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố truyền thống và hiện đại vào hoạt động thực tiễn.

- Có khả năng sáng tạo, cảm thụ, nhận xét, đánh giá các tác phẩm Hội họa.

3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Say mê sáng tạo, tuân thủ các nguyên tắc nghề nghiệp và chuẩn mực đạo đức truyền thống.

- Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành trong các công việc thuộc ngành hội họa. Hoàn thành chương trình học, người học có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật công nghệ giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực hội họa, sáng tác được các tác phẩm hội họa.

- Người học có khả năng làm việc độc lập hoặc có khả năng tổ chức hành nghề theo nhóm.

- Người học trở thành người có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có khả năng tự học hoặc tiếp tục học để nâng cao trình độ.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp có thể:

- Làm việc trong các công ty quảng cáo, truyền thông, tiếp thị, các cơ quan thông tấn báo chí báo, đài truyền hình, trung tâm văn hóa thông tin – triển lãm, sở văn hóa thông tin và truyền thông, sở văn hóa - thể thao và du lịch, có khả năng quản lý chất lượng, làm các công việc kỹ thuật, thành lập các công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết kế đồ họa như tổ chức xuất bản sách báo, tạp chí, thiết kế trang Web, tạo các Websites;

- Làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ngành mỹ thuật và trung tâm văn hoá;

- Cán bộ chuyên ngành Đồ họa ứng dụng trong các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp.

- Cán bộ kỹ thuật các Công ty Thiết kế đồ họa, Quảng cáo, Thiết kế thời trang.

- Có khả năng tự thành lập và làm chủ các công ty Quảng cáo, Thiết kế thời trang, công ty mỹ thuật, thiết kế nội ngoại thất...

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 59 tín chỉ

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1568 giờ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 17 tín chỉ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 42 tín chỉ

- Khối lượng lý thuyết: 422 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.080 giờ;

Kiểm tra: 66 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MĐ/ MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	17	255
MH01	Pháp luật	1	15
MH02	Giáo dục chính trị	2	30
MH03	Giáo dục thể chất	2	30
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45
MH05	Tin học	3	45
MH06	Tiếng Anh 1	2	30
MH07	Tiếng Anh 2	2	30
MH08	Tiếng Anh 3	2	30
II	Các môn học cơ sở và chuyên ngành	42	1095
II.1	Các môn học cơ sở	7	105
MH09	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30

MH10	Luật xa gần	1	15
MH11	Giải phẫu tạo hình	1	15
MH12	Mỹ thuật học	1	15
MH13	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới	2	30
II.2	Các môn chuyên ngành	31	930
MĐ14	Trang trí 1	2	60
MĐ15	Trang trí 2	2	60
MĐ16	Trang trí 3	2	60
MĐ17	Trang trí 4	2	60
MĐ18	Trang trí 5	2	60
MĐ19	Bố cục 1	2	60
MĐ20	Bố cục 2	2	60
MĐ21	Bố cục 3	2	60
MĐ22	Bố cục 4	2	60
MĐ23	Bố cục 5	2	60
MĐ24	Hình họa 1	2	60
MĐ25	Hình họa 2	2	60
MĐ26	Hình họa 3	2	60
MĐ27	Hình họa 4	2	60
MĐ28	Hình họa 5	2	60
MĐ29	Ký họa thực tế	1	30
II.3	Các môn học tự chọn	2	60
MĐ30	Khắc gỗ	1	30
MH31	Sơn dầu	1	30
II.4	Thực tập và thi tốt nghiệp	4	180
MH32	Thực tế; Thực tập	4	180
III	Thi tốt nghiệp		38
	Lý thuyết mỹ thuật tổng hợp		
	Tác phẩm tranh		
	Tổng cộng	59	1568

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH BIỂU DIỄN NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG - TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

- Mô tả được những kiến thức cơ bản về lịch sử múa Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như: xướng âm, hình thức âm nhạc, nhạc lý cơ bản;

- Có kiến thức cơ bản về biểu diễn múa cổ điển châu Âu, múa Đương đại, múa đôi (Duo) và múa Tính cách của nước ngoài; về biểu diễn múa Dân gian Việt Nam và múa cổ điển Việt Nam trong chương trình đào tạo Trung cấp chính quy của khóa học;

- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật múa của chuyên ngành cơ bản để luyện tập, thực hiện được các vai diễn trong tác phẩm múa, thơ múa và kịch múa đạt yêu cầu đề ra;

- Nắm được các kỹ thuật cơ bản của ngành, nghề, các kỹ thuật kỹ xảo trong biểu diễn múa để luyện tập và thực hiện các loại kỹ thuật đó;

- Có kỹ năng về các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật hóa trang, trang phục...;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị phục vụ cho biểu diễn và luyện tập chuyên ngành múa, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại đạo cụ chủ yếu sử dụng trong biểu diễn múa.

- Biết được phương pháp đảm bảo an toàn cho người và dụng cụ, thiết bị khi biểu diễn;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật, kỹ xảo cơ bản của các môn múa đã được học trong chương trình đào tạo;

- Trình diễn được các kỹ thuật cơ bản trong các thể loại múa đơn, múa đôi, múa ba người và múa tập thể;

- Thể hiện được kỹ năng, kỹ thuật cơ bản thành thạo trong biểu diễn tác phẩm múa, thơ múa và kịch múa...;

- Biểu diễn được các tác phẩm múa trong và ngoài nước với nhiều phong cách khác nhau;

- Sử dụng được các trang thiết bị âm thanh, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;

- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm ... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;

- Có kỹ năng sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Có kỹ năng sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, phương pháp làm việc chuyên nghiệp, khoa học;

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động biểu diễn chuyên môn ở quy mô trung bình.

- Phối hợp với các thành viên trong nhóm luyện tập và biểu diễn múa; chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của cá nhân trước biên đạo múa hoặc trưởng nhóm múa.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trung cấp, người học có thể đảm nhiệm các vị trí công việc:

- Diễn viên múa cổ điển châu Âu;

- Diễn viên múa đương đại;

- Diễn viên múa Dân gian Việt Nam;

- Diễn viên múa cổ điển Việt Nam.

- Tham gia hoạt động chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân, các tổ chức xã hội.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

3.1. Nội dung chương trình ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc – trình độ: Trung cấp (6 năm)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	24	720
MĐ01	Múa cổ điển Châu Âu 1	2	60

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
MĐ02	Múa cô điển Châu Âu 2	2	60
MĐ03	Múa cô điển Châu Âu 3	2	60
MĐ04	Múa cô điển Châu Âu 4	2	60
MĐ05	Múa cô điển Châu Âu 5	2	60
MĐ06	Múa cô điển Châu Âu 6	2	60
MĐ07	Múa dân gian dân tộc 1	2	60
MĐ08	Múa dân gian dân tộc 2	2	60
MĐ09	Múa dân gian dân tộc 3	2	60
MĐ010	Múa dân gian dân tộc 4	2	60
MĐ11	Múa dân gian dân tộc 5	2	60
MĐ12	Múa dân gian dân tộc 6	2	60
B	PHẦN TRUNG CẤP	56	1110
I	Các môn học chung	17	255
MH13	Pháp luật	1	15
MH14	Giáo dục chính trị	2	30
MH15	Giáo dục thể chất	2	30
MH16	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45
MH17	Tin học	3	45
MH18	Tiếng Anh 1	2	30
MH19	Tiếng Anh 2	2	30
MH20	Tiếng Anh 3	2	30
II	Các môn học cơ sở, và chuyên ngành	31	855
<i>II.1</i>	<i>Các môn học cơ sở</i>	<i>9</i>	<i>165</i>
MH21	Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30
MH22	Lý thuyết Âm nhạc	2	30
MH23	Ký, Xướng âm 1	1	30
MH24	Ký, Xướng âm 2	1	30
MH 25	Lý luận và lịch sử múa	3	45
<i>II.2</i>	<i>Các môn chuyên ngành</i>	<i>22</i>	<i>690</i>
MĐ26	Múa cô điển Châu Âu 7	2	60
MĐ27	Múa cô điển Châu Âu 8	2	60
MĐ28	Múa cô điển Châu Âu 9	2	60
MĐ29	Múa cô điển Châu Âu 10	2	60
MĐ30	Múa cô điển Châu Âu 11	2	60

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
MĐ31	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 7	2	60
MĐ32	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 8	2	60
MĐ33	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 9	2	60
MĐ34	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 10	2	60
MĐ35	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 11	2	60
MĐ36	Thực hành biểu diễn	2	90
III	Các môn học tự chọn	4	180
MĐ37	Múa đương đại	2	90
MĐ38	Múa cổ điển Việt Nam	2	90
IV	Thực tập- tốt nghiệp	8	360
MH39	Thực tập	4	180
V	Thi tốt nghiệp		139
	Chính trị		4
	Lí luận và lịch sử Múa		15
	Múa cổ điển châu Âu, múa dân gian dân tộc Việt Nam, Thực hành biểu diễn		120
	Tổng cộng	80	2329

4.2. Nội dung chương trình ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc – trình độ: Trung cấp (3 năm)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	17	255
MH01	Pháp luật	1	15
MH02	Giáo dục chính trị	2	30
MH03	Giáo dục thể chất	2	30
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45
MH05	Tin học	3	45
MH06	Tiếng Anh 1	2	30
MH07	Tiếng Anh 2	2	30
MH08	Tiếng Anh 3	2	30
II	Các môn học cơ sở, và chuyên ngành	31	855

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
II.1	Các môn học cơ sở	9	165
MH09	Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30
MH10	Lý thuyết Âm nhạc	2	30
MH11	Ký, Xướng âm 1	1	30
MH12	Ký, Xướng âm 2	1	30
MH 13	Lý luận và lịch sử múa	3	45
II.2	Các môn chuyên ngành	22	690
MĐ14	Múa cổ điển Châu Âu 7	2	60
MĐ15	Múa cổ điển Châu Âu 8	2	60
MĐ16	Múa cổ điển Châu Âu 9	2	60
MĐ17	Múa cổ điển Châu Âu 10	2	60
MĐ18	Múa cổ điển Châu Âu 11	2	60
MĐ19	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 7	2	60
MĐ20	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 8	2	60
MĐ21	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 9	2	60
MĐ22	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 10	2	60
MĐ23	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 11	2	60
MĐ24	Thực hành biểu diễn	2	90
III	Các môn học tự chọn	4	180
MĐ25	Múa đương đại	2	90
MĐ26	Múa cổ điển Việt Nam	2	90
IV	Thực tập- tốt nghiệp	8	360
MĐ27	Thực tập	4	180
V	Thi tốt nghiệp		139
	Chính trị		4
	Lí luận và lịch sử Múa		15
	Múa cổ điển châu Âu, múa dân gian dân tộc Việt Nam, Thực hành biểu diễn		120
	Tổng cộng	56	1609

3.3. Nội dung chương trình ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc – trình độ: Trung cấp (2 năm)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	17	255
MH01	Pháp luật	1	15
MH02	Giáo dục chính trị	2	30
MH03	Giáo dục thể chất	2	30
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45
MH05	Tin học	3	45
MH06	Tiếng Anh 1	2	30
MH07	Tiếng Anh 2	2	30
MH08	Tiếng Anh 3	2	30
II	Các môn học, mô đun cơ sở, và chuyên ngành	31	885
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	9	165
MH09	Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30
MH10	Lý thuyết Âm nhạc	2	30
MH11	Ký, Xướng âm 1	1	30
MH12	Ký, Xướng âm 2	1	30
MH 13	Lý luận và lịch sử múa	3	45
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	22	720
MĐ14	Múa cổ điển Châu Âu 1	3	90
MĐ15	Múa cổ điển Châu Âu 2	3	90
MĐ16	Múa cổ điển Châu Âu 3	3	90
MĐ17	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 1	3	90
MĐ18	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 2	3	90
MĐ19	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 3	3	90
MĐ20	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ21	Thực hành biểu diễn 2	2	90
III	Các môn học, mô đun tự chọn	4	180
MĐ22	Múa đương đại	2	90
MĐ23	Múa cổ điển Việt Nam	2	90
IV	Thực tập – tốt nghiệp	8	360
MH24	Thực tập	8	360
V	Thi tốt nghiệp		139

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
	Chính trị		4
	Lý luận và lịch sử Múa		15
	Múa cổ điển Châu Âu, Múa dân gian dân tộc Việt Nam, Thực hành biểu diễn		120
	Tổng cộng	60	1819

3.4. Nội dung chương trình ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc – trình độ: Trung cấp (2 năm VB2)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học, mô đun cơ sở, và chuyên ngành	31	885
I.1	Các môn học, mô đun cơ sở	9	165
MH01	Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30
MH02	Lý thuyết Âm nhạc	2	30
MH03	Ký, Xướng âm 1	1	30
MH04	Ký, Xướng âm 2	1	30
MH05	Lý luận và lịch sử múa	3	45
I.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	22	720
MĐ06	Múa cổ điển Châu Âu 1	3	90
MĐ07	Múa cổ điển Châu Âu 2	3	90
MĐ08	Múa cổ điển Châu Âu 3	3	90
MĐ09	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 1	3	90
MĐ10	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 2	3	90
MĐ11	Múa dân gian dân tộc Việt Nam 3	3	90
MĐ12	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ13	Thực hành biểu diễn 2	2	90
II	Các môn học, mô đun tự chọn	4	180
MĐ14	Múa đương đại	2	90
MĐ15	Múa cổ điển Việt Nam	2	90

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
III	Thực tập – tốt nghiệp	8	360
MH16	Thực tập	8	360
IV	Thi tốt nghiệp		139
	Chính trị		4
	Lý luận và lịch sử Múa		15
	Múa cổ điển Châu Âu, Múa dân gian dân tộc Việt Nam, Thực hành biểu diễn		120
	Tổng cộng	43	1564

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THANH NHẠC

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.2. Kiến thức

- Xác định được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, hiểu biết các phương pháp hát cổ điển, dân ca và đương đại;
- Trình bày được các kỹ thuật thể hiện tác phẩm thanh nhạc như Aria, romance, tổ khúc, ca khúc, hợp xướng...;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, xây dựng tác phẩm thanh nhạc đạt yêu cầu đề ra;
- Xác định được kiến thức cơ bản về nghệ thuật trình diễn sân khấu, giải phóng hình thể, nghệ thuật múa dân gian dân tộc và dance sport;
- Mô tả được các hình thức trình diễn trên sân khấu, vị trí vai trò của ca sỹ trên sân khấu tùy theo từng thể loại âm nhạc, chương trình biểu diễn nghệ thuật cụ thể;
- Trình bày được phương pháp lựa chọn các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Mô tả được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Áp dụng được các kỹ thuật, kỹ năng cơ bản thanh nhạc trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Các kỹ năng biểu diễn các tác phẩm thanh nhạc như: Aria, romance, tổ khúc, ca khúc dân ca, ca khúc đương đại với các hình thức hát đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng...;
- Thể hiện được kỹ thuật luyện thanh, vỡ bài hát, phối bè, hát đơn ca, hát nhóm... theo yêu cầu;
- Rèn luyện khả năng xây dựng tác phẩm thanh nhạc với nhiều phong cách khác nhau;
- Sử dụng được các trang thiết bị âm thanh dùng cho hát như micro, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông;
- Rèn luyện kỹ năng giải phóng hình thể biểu diễn trên sân khấu, kỹ năng vũ đạo cơ bản và nhảy dance sport;
- Luyện tập kỹ thuật nhạc cụ để sử dụng đệm hát đơn giản;
- Áp dụng được kỹ năng phân tích âm nhạc, phối bè đơn giản;
- Chọn đúng, đầy đủ được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn;
- Tổ chức, sắp xếp được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức về sáng tạo nghề nghiệp;
- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật, phương pháp làm việc khoa học;
- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc cá nhân và một phần kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hát dân ca;
- Hát nhạc đại chúng (nhạc nhẹ);
- Hát bè, hát tốp ca, hợp xướng.

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 68 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1440 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 378 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1225 giờ;

Kiểm tra: 89 giờ.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MĐ/ MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	17	255
MH01	Pháp luật	1	15
MH02	Chính trị	2	30
MH03	Giáo dục thể chất	2	30
MH04	Giáo dục quốc phòng	3	45
MH05	Tin học	3	45
MH06	Tiếng anh 1	2	30
MH07	Tiếng anh 2	2	30

MH08	Tiếng anh 3	2	30
II	Các môn học cơ sở và chuyên ngành	51	1440
II.1	Các môn học cơ sở	18	300
MH09	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH10	Lý thuyết âm nhạc	4	60
MH11	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH12	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	2	30
MH13	Hòa thanh	3	45
MH14	Hình thức âm nhạc	3	45
MĐ15	Giải phóng hình thể	2	60
II.2	Các môn chuyên ngành	25	870
MĐ16	Ký – Xướng âm 1	2	60
MĐ17	Ký – Xướng âm 2	2	60
MĐ18	Ký – Xướng âm 3	2	60
MĐ19	Ký – Xướng âm 4	2	60
MĐ20	Thanh nhạc 1	1	30
MĐ21	Thanh nhạc 2	1	30
MĐ22	Thanh nhạc 3	1	30
MĐ23	Thanh nhạc 4	1	30
MĐ24	Thanh nhạc 5	1	30
MĐ25	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ26	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ27	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ28	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ29	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ30	Thực hành biểu diễn 2	2	90
MĐ31	Hát hợp xướng 1	2	90
MĐ32	Hát hợp xướng 2	2	90
II.3	Các môn học tự chọn	4	90
MĐ33	Hát dân ca	2	60
MH34	Tin học chuyên ngành	2	30
II.4	Thực tập và thi tốt nghiệp	4	180

MH35	Thực tế; Thực tập	4	180
III	Thi tốt nghiệp		64
	Chính trị		4
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		30
	Thanh nhạc		30
	Tổng cộng	68	1759

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THANH NHẠC

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

8. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

9. Kiến thức

- Xác định được vị trí, vai trò của ca sỹ tham gia biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật, những ảnh hưởng, tác động của nghệ thuật đối với kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội;
- Phân tích được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Phân tích được kiến thức có hệ thống và cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, hiểu biết các phương pháp hát từ cổ điển, dân ca và đương đại;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, xây dựng tác phẩm thanh nhạc đạt yêu cầu đề ra;
- Trình bày được các kỹ thuật thể hiện tác phẩm thanh nhạc như: Aria, Romance, tốp khúc, ca khúc, hợp xướng...;
- Trình bày được các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật múa, nghệ thuật trang điểm, trang phục...;
- Phân tích được các hình thức trình diễn trên sân khấu, vị trí vai trò của ca sỹ trên sân khấu tùy theo từng thể loại âm nhạc, chương trình biểu diễn nghệ thuật cụ thể;
- Trình bày được phương pháp lựa chọn các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2 Kỹ năng

- Ứng dụng được các kỹ thuật cơ bản và có hệ thống của ngành, nghề; thực hiện được các phương pháp hát từ cổ điển, dân ca và đương đại;
- Biểu diễn được các tác phẩm thanh nhạc như: Romance, tốp khúc, ca khúc dân ca, ca khúc đương đại với các hình thức hát đơn ca, tốp ca, hợp xướng... bằng các kỹ thuật, kỹ năng cơ bản theo yêu cầu;
- Tự luyện thanh, vỡ bài hát, phối bè, hát đơn ca, hát nhóm...;
- Xây dựng được tác phẩm thanh nhạc với nhiều phong cách khác nhau;
- Rèn luyện khả năng diễn xuất, làm chủ sân khấu theo nội dung tác phẩm thanh nhạc;
- Thực hiện được kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể; giải phóng cơ thể khi hát và diễn;
- Sử dụng được một loại nhạc cụ để đệm hát hoặc diễn tấu những đoạn nhạc đơn giản;
- Ứng dụng được kỹ năng phân tích âm nhạc, phối bè đơn giản;

- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị âm thanh dùng cho hát như micro, phần mềm âm nhạc;
- Chọn đúng, đầy đủ được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn;
- Tổ chức, sắp xếp được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm và phương pháp làm việc khoa học;
- Hoạt động độc lập, tiếp thu và học hỏi có chọn lọc, sáng tạo trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật;
- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc;
- Đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hát thính phòng;
- Hát dân ca;
- Hát nhạc đại chúng (nhạc nhẹ);
- Hát bè, hát tốp ca, hợp xướng;
- Hướng dẫn thực hành thanh nhạc;
- Tổ chức phong trào văn hóa nghệ thuật.

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 45
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 98 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2010 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 575 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1745 giờ;

Kiểm tra: 125 giờ.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MĐ/ MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Chính trị 1	3	45
MH03	Chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng anh 1	2	30
MH09	Tiếng anh 2	2	30
MH10	Tiếng anh 3	2	30
MH11	Tiếng anh 4	2	30
II	Các môn học cơ sở, và chuyên ngành	69	2010
II.1	Các môn học cơ sở	28	570
MH12	Đường lối văn hóa của Đảng CSVN	2	30
MH13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45
MH14	Lý thuyết âm nhạc 1	3	45
MH15	Lý thuyết âm nhạc 2	3	45
MH16	Lịch sử âm nhạc Phương Tây	3	45
MH17	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	30
MH18	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	30
MH19	Hòa thanh	4	60
MĐ20	Phân tích tác phẩm âm nhạc	2	60
MĐ21	Giải phóng hình thể	2	90
MĐ22	Dàn dựng chương trình nghệ thuật	2	90
II.2	Các môn chuyên ngành	25	870
MĐ23	Ký – Xướng âm 1	2	60
MĐ24	Ký – Xướng âm 2	2	60
MĐ25	Ký – Xướng âm 3	2	60

MĐ26	Ký – Xướng âm 4	2	60
MĐ27	Thanh nhạc 1	1	30
MĐ28	Thanh nhạc 2	1	30
MĐ29	Thanh nhạc 3	1	30
MĐ30	Thanh nhạc 4	1	30
MĐ31	Thanh nhạc 5	1	30
MĐ32	Nhạc cụ 1	1	30
MĐ33	Nhạc cụ 2	1	30
MĐ34	Nhạc cụ 3	1	30
MĐ35	Nhạc cụ 4	1	30
MĐ36	Thực hành biểu diễn 1	2	90
MĐ37	Thực hành biểu diễn 2	2	90
MĐ38	Hát hợp xướng 1	2	90
MĐ39	Hát hợp xướng 2	2	90
II.3	Các môn học tự chọn	6	120
MH40	Tổ chức sự kiện	2	30
MĐ41	Hát dân ca	2	60
MH42	Tin học chuyên ngành	2	30
II.4	Thực tập	10	450
MĐ45	Thực tập	10	450
III	Thi tốt nghiệp		64
	Chính trị		4
	Kiến thức âm nhạc tổng hợp		30
	Thanh nhạc		30
	Tổng cộng	98	2509

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

- Trình bày được nguyên lý, quá trình quản trị nói chung, quản trị con người, tài sản, tài chính, quản trị marketing của công ty du lịch, lữ hành;
- Trình bày được đặc điểm đặc trưng của văn hóa vùng miền, dân tộc;
- Trình bày được các tuyến, điểm du lịch cụ thể, hệ thống tài nguyên du lịch của các tuyến điểm, vùng miền;
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của người hướng dẫn viên;
- Trình bày được những đặc điểm văn hóa, lịch sử, xã hội chuyên sâu, khác biệt của điểm du lịch;
- Xác định được đặc điểm, giá trị nổi bật của điểm du lịch (giá trị cảnh quan, thẩm mỹ, lịch sử, văn hóa, khoa học,...);
- Mô tả được quy trình tổ chức chương trình du lịch, kiến thức về viết bài thuyết minh, hướng dẫn đối tượng tham quan du lịch; quy trình xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình chương trình du lịch; cách thức tổ chức các hoạt động hoạt náo cho khách du lịch;
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của tổ chức xúc tiến, quảng cáo và bán sản phẩm, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác, chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành thực hiện chương trình du lịch;
- Trình bày được cơ cấu tổ chức bộ máy doanh nghiệp, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong một công ty du lịch;
- Thiết kế được chương trình du lịch, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình du lịch, đánh giá kết quả kinh doanh và tổng kết công việc;
- Xác định được kiến thức về nhiều lĩnh vực khác nhau (địa lý, cảnh quan, lịch sử dân tộc, đất nước,...) của các quốc gia;
- Xác định được những kiến thức về kinh tế, chính trị của các quốc gia, vùng lãnh thổ.
- Thông hiểu những quy định về thủ tục xuất nhập cảnh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Kỹ năng

- Tổ chức khảo sát và thiết kế được các chương trình du lịch cơ bản và phức tạp theo yêu cầu khách hàng;
- Tư vấn và bán chương trình du lịch một cách có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của khách và quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị đầy đủ các yêu cầu về nội dung, phương tiện và các trang thiết bị hỗ trợ trước khi thực hiện hướng dẫn cho khách du lịch;
- Xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức đón tiếp khách du lịch;
- Xây dựng kế hoạch, chương trình lưu trú và ăn uống cho khách du lịch;
- Tổ chức được các hoạt động team building, vui chơi giải trí và mua sắm đáp ứng yêu cầu khách du lịch;

- Thuyết minh tại điểm du lịch và trên các phương tiện giao thông;
- Quản lý khách trong quá trình tham quan du lịch đảm bảo an toàn, đúng lịch trình;
- Xây dựng kế hoạch, giám sát hoạt động tiễn khách an toàn, hiệu quả;
- Thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ;
- Thực hiện báo cáo đánh giá kết quả chương trình du lịch;
- Giao tiếp hiệu quả với khách hàng bằng tiếng Việt và các ngoại ngữ khác phù hợp với yêu cầu hướng dẫn khách du lịch;
- Điều hành tổ chức chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng hiệu quả trước, trong và sau quá trình thực hiện chương trình du lịch;
- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị tại bộ phận hướng dẫn;
- Cập nhật những kiến thức, thông tin mới về các tuyến, điểm du lịch;
- Nắm bắt các xu hướng phát triển mới của văn hóa, du lịch, lễ hành, khách sạn và áp dụng hiệu quả trong công việc;
- Thực hiện được thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng;
- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- + Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hoá dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;
- + Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hướng dẫn tại điểm;
- Hướng dẫn du lịch nội địa;
- Hướng dẫn du lịch quốc tế.
- Có cơ hội trở thành trưởng nhóm hướng dẫn viên, quản lý nghiệp vụ hướng dẫn của các công ty du lịch và các vị trí khác trong tương lai... tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc.

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 36
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 83 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1455 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 582 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1228 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Chính trị 1	3	45
MH03	Chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng anh 1	2	30
MH09	Tiếng anh 2	2	30
MH10	Tiếng anh 3	2	30
MH11	Tiếng anh 4	2	30
II	Các môn học cơ sở và chuyên ngành	54	1455
II.1	Các môn học cơ sở	23	405
MH12	Tổng quan du lịch	2	30
MH13	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách du lịch	3	45
MĐ14	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	2	60
MĐ15	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2	60
MH16	Hệ thống di tích danh thắng và tuyến điểm du lịch Việt Nam	5	75
MH17	Văn hóa và tiến trình lịch sử VN	4	60
MH18	Địa lý du lịch Việt Nam và thế giới	3	45
MH19	Lịch sử văn minh thế giới	2	30
II.2	Các môn chuyên ngành	17	540
MĐ20	Nghiệp vụ hướng dẫn 1	1	30
MĐ21	Nghiệp vụ hướng dẫn 2	1	60
MĐ22	Nghiệp vụ hướng dẫn 3	1	60
MĐ23	Nghiệp vụ hướng dẫn 4	1	60
MĐ24	Nghiệp vụ hướng dẫn 5	1	30
MĐ25	Nghiệp vụ lễ hành 1	1	30
MH26	Nghiệp vụ lễ hành 2	1	30
MĐ27	Nghiệp vụ lễ hành 3	1	30

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Số giờ
MĐ28	Nghiệp vụ lễ hành 4	1	30
MH29	Marketing du lịch	2	30
MĐ30	Nghiệp vụ thanh toán	1	30
MĐ31	Tổ chức sự kiện	1	30
MH32	Văn hóa ẩm thực	2	30
MĐ33	Nghiệp vụ lưu trú	2	60
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	4	60
MH34	Luật du lịch	2	30
MH35	Tin học ứng dụng	2	30
II.4	Thực tập	10	450
MĐ36	Thực tập	10	450
III	Thi tốt nghiệp		28
	Chính trị		4
	Lý thuyết nghề hướng dẫn du lịch		8
	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch		16
	Tổng cộng	83	1918

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.2. Kiến thức

+ Người học được trang bị các kiến thức chuyên môn về kinh doanh ăn uống; tổ chức, chế biến các món ăn tại các khách sạn, nhà hàng và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác với các hình thức phục vụ ăn uống đa dạng (các bữa ăn thường, các bữa tiệc và ăn tự chọn...) đáp ứng các yêu cầu về chất lượng (đảm bảo giá trị dinh dưỡng, giá trị cảm quan và vệ sinh an toàn thực phẩm...); đồng thời phù hợp với khẩu vị, tập quán ăn uống của du khách trong nước và quốc tế;

+ Người học được cung cấp những kiến thức cần thiết cho nghiệp vụ kỹ thuật chế biến món ăn như: Tổng quan du lịch và khách sạn, tâm lý khách du lịch, giao tiếp trong kinh doanh, văn hóa ẩm thực, thương phẩm và an toàn thực phẩm, sinh lý dinh dưỡng, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ chế biến bánh và món ăn tráng miệng, văn hóa ẩm thực, xây dựng thực đơn, tổ chức sự kiện...

+ Người học được cung cấp các kiến thức về tổ chức làm việc theo nhóm và một số kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nghiệp vụ chế biến món ăn cơ bản như: Quản trị tác nghiệp, hạch toán định mức, giao tiếp trong kinh doanh, thống kê kinh doanh, quản lý chất lượng, pháp luật kinh tế, nguyên lý kế toán, nghiệp vụ thanh toán, marketing du lịch...;

+ Người học còn được cung cấp: Các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, giáo dục thể chất; Các kiến thức về tin học, ngoại ngữ;

1.2. Kỹ năng

+ Sau khi học xong, người học có được các kỹ năng nghề nghiệp trong việc chế biến các món ăn tại các khách sạn, nhà hàng và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác;

+ Người học có khả năng làm việc độc lập; tổ chức làm việc theo nhóm và biết ứng dụng kỹ thuật, công nghệ, ngoại ngữ vào công việc ở mức độ cao; có sức khỏe, đạo đức, ý thức kỷ luật cao;

+ Người học có khả năng tìm việc làm; tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp;

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hoá dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phụ bếp (tại khách sạn 1 - 5 sao);
- Đầu bếp chính sơ chế và chế biến nước dùng, xốt (tại khách sạn 1 - 5 sao);
- Đầu bếp chính xa lát và đồ nguội (tại khách sạn 1 - 5 sao);
- Đầu bếp chính bếp Á (tại khách sạn 1 - 5 sao);

- Đầu bếp chính bếp Âu (tại khách sạn 1 - 5 sao);
 - Đầu bếp chính bếp tiệc (tại khách sạn 1 - 5 sao);
 - Đầu bếp chính bếp bánh và món ăn tráng miệng (tại khách sạn 1 - 5 sao);
 - Bếp trưởng/trưởng bộ phận bếp sơ chế (tại khách sạn 1 - 3 sao);
 - Bếp trưởng/trưởng bộ phận bếp xa lát và đồ nguội (tại khách sạn 1 - 3 sao);
 - Bếp trưởng/trưởng bộ phận bếp Á (tại khách sạn 1 - 3 sao);
 - Bếp trưởng/trưởng bộ phận bếp Âu (tại khách sạn 1 - 3 sao);
 - Bếp trưởng/trưởng bộ phận bếp tiệc (tại khách sạn 1 - 3 sao);
 - Bếp trưởng/trưởng bộ phận bếp bánh và món ăn tráng miệng (tại khách sạn 1 - 3 sao).
- Làm việc tại các bếp ăn tập thể

3. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 83 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 930 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 549 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1241 giờ;

Thi, kiểm tra: 109 giờ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng
			số
I	Các môn học chung	29	435
MH01	Pháp luật	2	30
MH02	Chính trị 1	3	45
MH03	Chính trị 2	2	30
MH04	Giáo dục thể chất 1	2	30
MH05	Giáo dục thể chất 2	2	30
MH06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75
MH07	Tin học	5	75
MH08	Tiếng anh 1	2	30
MH09	Tiếng anh 2	2	30
MH10	Tiếng anh 3	2	30
MH11	Tiếng anh 4	2	30
II	Các môn học, mô đun cơ sở, và chuyên ngành	40	930
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	13	180
MH12	Tổng quan du lịch	2	30
MH13	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách du lịch	3	45
MH14	Tiếng anh chuyên ngành CBMA1	3	45
MH15	Tiếng anh chuyên ngành CBMA 2	2	30
MH16	Hạch toán định mức	3	30

II.2	Các môn chuyên ngành	27	750
MĐ17	Nghiệp vụ nhà hàng 1	1	30
MĐ18	Nghiệp vụ nhà hàng 2	1	30
MĐ19	Kỹ thuật chế biến món ăn 1	3	90
MĐ20	Kỹ thuật chế biến món ăn 2	3	90
MĐ21	Kỹ thuật chế biến món ăn 3	3	90
MĐ22	Kỹ thuật chế biến món ăn 4	3	90
MĐ23	Kỹ thuật chế biến món ăn 5	3	90
MĐ24	Chế biến bánh và món ăn tráng miệng 1	2	60
MĐ25	Chế biến bánh và món ăn tráng miệng 2	2	60
MH26	Sinh lý dinh dưỡng	2	30
MĐ27	Xây dựng thực đơn	1	30
MĐ28	Nghiệp vụ thanh toán	1	30
MH29	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	2	30
II.3	Các môn học tự chọn	4	60
MH30	Văn hóa ẩm thực	2	30
MH31	Marketing du lịch	2	30
II.4	Thực tập và thi tốt nghiệp	10	450
MH32	Thực tế; thực tập	10	450
III	Thi tốt nghiệp		24
	Chính trị		
	Lý thuyết chế biến món ăn		
	Kỹ thuật chế biến món ăn		
	Tổng cộng	83	1899